

Bản án số:149/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 14/8/2019

V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa:* Ông **NGUYỄN TRUNG TÍNH**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **NGUYỄN VĂN DỰC**  
2. Ông **VÕ VĂN CƯỜNG**
- *Thư ký phiên Tòa:* Ông **NGUYỄN CHIẾN CÔNG** – Thư ký tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang:* Không tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 321/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2019 về việc tranh chấp “*xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 134/2019/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 83/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

\* *Nguyên đơn:* Chị **NGUYỄN THỊ BÉ N**, sinh năm 1980

Địa chỉ: ấp MT, xã MDT, huyện CB, tỉnh TG.

\* *Bi đơn:* Anh **ĐẶNG HÙNG D**, sinh năm 1970

Địa chỉ: ấp MT, xã MDT, huyện CB, tỉnh TG.

(Bà N, anh D có mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và lời khai tại Toà, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bé N trình bày:

Chị và anh D xác lập quan hệ vợ chồng năm 2001, có đăng ký kết hôn, sau khi cưới về sống hạnh phúc đến đầu năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị là do vợ chồng bất đồng nhiều quan điểm trong cuộc sống, không hợp tính tình, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, anh D không quan tâm cuộc sống vợ chồng, vợ chồng nhiều lần hàn gắn nhưng không thành nên đã ly thân nhau từ đầu năm 2013 đến nay. Nay chị xin ly hôn anh D.

+ Về con chung : Anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Đặng Ngọc N, sinh ngày 28/6/2002 và Đặng Minh T, sinh ngày 22/02/2008, khi ly hôn chị đồng ý để anh D nuôi 02 con chung, chị không phải cấp dưỡng.

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có.

\* Bị đơn anh Đặng Hùng D trình bày:

Anh và chị Bé N xác lập quan hệ hôn nhân năm 2001, có đăng ký kết hôn, sau khi cưới về sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo anh là do vợ anh có mối quan hệ phức tạp bên ngoài nên vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên mâu thuẫn

nhau, vợ chồng ly thân từ đầu năm 2018 đến nay. Anh chị có 02 con chung theo lời vợ anh trình bày là đúng. Về tài sản chung: không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Nay anh còn thương vợ nên anh không đồng ý ly hôn, nếu tòa án giải quyết cho ly hôn, anh yêu cầu nuôi 02 con chung và không yêu cầu chị N cấp dưỡng. Về tài sản chung: không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có

Tại phiên tòa chị N và anh D vẫn giữ ý kiến và yêu cầu như trên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **- Về nội dung:**

[1] Về quan hệ hôn nhân : Chị Nguyễn Thị Bé N và anh Đặng Hùng D xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2001, có đăng ký kết hôn. Theo lời chị N khai vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo chị là do vợ chồng bất đồng nhiều quan điểm trong cuộc sống, không hợp tính tình, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, anh D không quan tâm cuộc sống vợ chồng, vợ chồng nhiều lần hàn gắn nhưng không thành nên đã ly thân nhau từ đầu năm 2013 đến nay, nay chị xin ly hôn anh D. Còn anh D xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do chị N có mối quan hệ phức tạp bên ngoài dẫn đến cuộc sống chung không hạnh phúc, vợ chồng ly thân từ đầu năm 2018 đến nay, nay anh còn tình cảm và còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn, xét thấy chị N và anh D đã ly thân thời gian dài, tại phiên tòa anh D mong muốn hàn gắn đoàn tụ nhưng anh không đưa ra được giải pháp nào để khắc phục, hàn gắn tình cảm vợ chồng, phía chị N xác định không còn tình cảm và không thể chung sống với anh D. Nhận thấy tình cảm của anh chị đã tan vỡ, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ lại với nhau. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N là có căn cứ cũng phù hợp theo đơn xin xác nhận của chị có xác nhận của ban quản lý ấp MT, xã MDT ngày 04/7/2019 về tình trạng quan hệ hôn nhân giữa chị và anh D nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N, cho chị được ly hôn anh D là phù hợp theo điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Đặng Ngọc N, sinh ngày 28/6/2002 và Đặng Minh T, sinh ngày 22/02/2008. Tại phiên tòa chị N đồng ý để anh D tiếp tục nuôi 02 con chung, phía anh D cũng thống nhất đồng ý nuôi 02 con chung nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, mặc khác qua tham khảo ý kiến của 02 con chung cũng có mong muốn sống chung với anh D. Xét thấy từ khi ly thân hai con chung do anh D nuôi dưỡng đã ổn định, hai cháu vẫn phát triển tốt bình thường cũng phù hợp theo đơn xin xác nhận do chị N cung cấp có xác nhận của ban quản lý ấp MT, xã MDT ngày 04/7/2019 về hiện trạng nuôi 02 con chung của anh D, do vậy hội đồng xét xử xét thấy để tránh xáo trộn về mặt tâm sinh lý của 02 con chung nên tiếp tục giao 02 cháu cho anh D nuôi dưỡng là phù hợp theo điều 81 Luật hôn nhân và gia đình .

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh D xác định đủ khả năng nuôi 02 con chung, anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi 02 con chung nên hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có

[6] Về án phí: Chị N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

**1/ Về quan hệ hôn nhân:**

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Bé N.  
Cho chị Nguyễn Thị Bé N được ly hôn anh Đặng Hùng D.

**2/ Về con chung:**

- Tiếp tục giao 02 con chung cháu Nguyễn Đặng Ngọc N, sinh ngày 28/6/2002 và Đặng Minh T, sinh ngày 22/02/2008 cho anh D nuôi dưỡng.

Chị Nguyễn Thị Bé N không phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Chị Nguyễn Thị Bé N được quyền thăm nom 02 con chung theo quy định của pháp luật.

**3/ Về tài sản chung:** Không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

**4/ Về nợ chung:** Không có.

**5/ Về án phí:**

Chị Nguyễn Thị Bé N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 10263 ngày 16/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CB nên xem như thi hành xong.

**Về quyền kháng cáo:** Chị N, anh D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**NGUYỄN TRUNG TÍNH**